| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>HUYỆN ĐĂK GLEI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 609 /UBND-KTHT<br>Về việc lấy ý kiến Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum đến năm 2040 | *Đăk Glei, ngày 26 tháng 3 năm 2024* |

Kính gửi:
- Các Sở, ban, ngành tỉnh Kon Tum;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBMT tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Kon Tum;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- UBMT tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội huyện;
- Các cơ quan, đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Cộng đồng dân cư các xã, thị trấn.

**I. Căn cứ xây dựng Quy hoạch**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị, ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan về quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính Phủ về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính Phủ về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 14/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Lào thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng Ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật", Mã số QCVN 07:2016/BXD;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 22/5/2014 của Ủyban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk Glei đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 942/TB-VP ngày 24/02/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ngọc Tuấn về công tác đầu tư, quy hoạch trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1169/UBND-HTKT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc triển khai lập quy hoạch xây dựng vùng huyện;

Căn cứ Công văn số 908/SXD-QHKT ngày 20/6/2023 của Sở Xây dựng về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng huyện;

Căn cứ Công văn số 1169/UBND-HTKT ngày 21/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc triển khai lập quy hoạch xây dựng vùng huyện;

Căn cứ Công văn số 908/SXD-QHKT ngày 20/6/2023 của Sở Xây dựng về việc triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng vùng huyện;

Căn cứ Thông báo số 874-TB/HU ngày 7/7/2023 của Huyện ủy Đăk Glei về Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy về chủ trương lập xây dựng vùng huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Công văn số 1885/UBND-KTHT ngày 08/9/2023 của UBND huyện về việc thực hiện lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Glei đến năm 2040;

Để có cơ sở trình thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum đến năm 2040, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei đề nghị các cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư liên quan xem xét, cho ý kiến đối với nhiệm vụ quy hoạch, cụ thể như sau:

**II. Nội dung chính**

**1.** Tên nhiệm vụ, tỷ lệ quy hoạch

1.1. Tên nhiệm vụ: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum đến năm 2040.

1.2. Tỷ lệ: 1/25.000.

**2.** Phạm vi và ranh giới

a) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Đăk Glei, với 12 đơn vị hành chính gồm 01 thị trấn và 11 xã: Đăk Kroong, Đăk Môn, Đăk Long, Đăk Nhoong, Đăk Plô, Đăk Man, Đăk Pek, Đăk Choong, Xốp, Mường Hoong, Ngọc Linh và thị trấn Đăk Glei, giới hạn tứ cận như sau:

- Phía Bắc tiếp giáp huyện Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam;
- Phía Nam tiếp giáp huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum;
- Phía Đông tiếp giáp huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum;
- Phía Tây tiếp giáp nước CHDCND Lào.

*(Có sơ đồ vị trí ranh giới kèm theo)*

b) Quy mô diện tích và dân số vùng:

- Toàn huyện có tổng diện tích tự nhiên là 149.364,49 ha *(1.493,6 $km^2$).*
- Tổng dân số trung bình huyện năm 2023: 52.281 người. Trong đó, dân số đô thị là 7.338 người, dân số nông thôn là 44.943 người.

d) Thời hạn quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030; Giai đoạn dài hạn đến năm 2040.

**3.** Quan điểm, mục tiêu phát triển:

a) Quan điểm:

- Quy hoạch phát triển huyện Đăk Glei phải phù hợp với quy hoạch Tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch vùng, ngành, lĩnh vực.
- Phát triển huyện Đăk Glei trên quan điểm mở và hội nhập, có cơ chế, chính sách hợp lý, tạo điều kiện tốt cho hội nhập kinh tế quốc tế, thu hút các nguồn lực của các thành phần kinh tế, kể cả nguồn lực trong và ngoài nước.
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững. Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học - kỹ thuật, công nghệ, đổi mới sáng tạo nhằm tận dụng tốt mọi cơ hội phát triển, nhất là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển mạnh về du lịch, dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo.
- Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động phòngchống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường.
- Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình giảm nghèo bền vững. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.
- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị nhằm giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

b) Mục tiêu:

- Đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới phát triển kinh tế, tập trung xây dựng huyện phát triển theo hướng bền vững với cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Thu hút các nhà đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, khuyến khích phát triển mạnh các thành phần kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Phát triển kinh tế nông thôn gắn liền với xây dựng các xã nông thôn mới, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá; tăng tỷ trọng chăn nuôi, giảm tỷ trọng trồng trọt trong cơ cấu ngành nông nghiệp, quy hoạch các vùng, bãi để trồng cỏ và chăn nuôi đại gia súc; đồng thời chú trọng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

- Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hoá - xã hội, khoa học công nghệ, nhất là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao nhằm đáp ứng tốt nhu cầu lao động của Huyện và của Tỉnh.

- Làm cơ sở triển khai các quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch khu chức năng và định hướng đầu tư các dự án về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng huyện Đăk Glei đến năm 2040.

**4.** Tính chất, chức năng vùng

- Là vùng huyện biên giới phía Bắc tỉnh cũng là cửa ngõ cực Bắc của vùng Tây Nguyên. Có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh gắn với an ninh quốc phòng ..

- Là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh có dự án trọng điểm quốc gia như cao tốc Bắc Nam và tuyến đường sắt Tây Nguyên đi qua địa bàn Huyện. Là điểm trung chuyển quan trọng và ngắn nhất trên tuyến hành lang thương mại quốc tế Đông - Tây thông qua Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y.

- Là vùng có khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh với nhiều loại sâm quý được ghi vào sách đỏ Việt Nam đặc biệt là sâm Ngọc Linh và có chuỗi các sản phẩm chủ lực như: Cao su, Cà phê, sắn ... phát triển các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Là vùng có tiềm năng về đất đai, tài nguyên rừng và tài nguyên nước có cảnh quan thiên nhiên đẹp, di tích lịch sử, kết hợp văn hóa đặc trưng của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên thuận lợi phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm cảnh quan và môi trường gắn với thương mại nông nghiệp và phát triển du lịch cộng đồng trên cơ sở đảm bảo an toàn về quốc phòng - an ninh.

**5.** Các dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án:

a) Dự báo quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 59.300 người; Đến năm 2040 khoảng 68.000 người.

b) Tỷ lệ đô thị hóa.

- Tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn hiện nay đến 2030: khoảng 24,5%, quy mô dân số đô thị khoảng 14.500 người.

- Tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn 2030-2040: khoảng 33,3%, quy mô dân số đô thị khoảng 22.000 người.

c) Quy mô đất đai: Quy mô diện tích tự nhiên của huyện: 149.364,49 ha *(1.493,64 $km^2$).*

- Dự báo quy mô đất đai đến năm 2030: Diện tích đất phi nông nghiệp khoảng 5.293 ha. Đất xây dựng đô thị khoảng 1.000 ha

- Dự báo quy mô đất đai đến năm 2040: Diện tích đất phi nông nghiệp khoảng 6.500 ha.. Đất xây dựng đô thị khoảng 1.500 ha

d) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án:

| TT | Hạng mục | Đơn vị tính | Đến năm 2030 | Đến năm 2040 |
|---|---|---|---|---|

| TT | Hạng mục | Đơn vị tính | Đến năm 2030 | Đến năm 2040 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Dân số toàn huyện | 1000 người | 59,3 | 68,0 |
| 2 | Tỷ lệ đô thị hoá | % | 24,5 | 33,3 |
| 3 | Đất dân dụng đô thị | | | |
| | *Thị trấn Đăk Glei* | *$m^2$/người* | *70 - 100* | *50-80* |
| | *Đô thị Đăk Môn* | *$m^2$/người* | - | *70-100* |
| 4 | Đất ở trung bình | | | |
| | *Khu vực đô thị* | *$m^2$/người* | | |
| | *+ Thị trấn Đăk Glei* | | *45 - 55* | *28 - 45* |
| | *+ Đô thị Đăk Môn* | | - | *45 - 55* |
| | *Khu vực nông thôn* | *$m^2$/người* | *>25* | *>25* |
| 5 | Chỉ tiêu cấp điện | | | |
| *5.1* | *Cấp điện sinh hoạt* | Qsh | | |
| | *- Khu vực đô thị* | *W/người* | *200* | *300* |
| | *- Các điểm dân cư nông thôn* | *W/người* | *150* | *150* |
| *5.2* | *Công nghiệp* | kw/ha | *50 - 250* | *50 - 250* |
| *5.3* | *Công cộng-Dịch vụ* | | | |
| | *Khu vực đô thị* | % Qsh | *30* | *30* |
| | *Các điểm dân cư nông thôn* | % Qsh | *15* | *15* |
| 6 | Chỉ tiêu cấp nước | | | |
| *6.1* | *Sinh hoạt* | *Qsh* | | |
| | *- Khu vực đô thị* | *lít/người/ng.đ* | *100* | *120* |
| | *- Các điểm dân cư nông thôn* | *lít/người/ng.đ* | *60* | *80* |
| *6.2* | *Công nghiệp* | *$m^3$/ha.ngđ* | *>20* | *>20* |
| *6.3* | *Công cộng* | *%Qsh* | *10* | *10* |
| 7 | Thu gom nước thải | | | |
| *7.1* | *Thu gom nước thải sinh hoạt* | | | |
| | *Đô thị* | *%Qsh* | *90* | *95* |
| | *Các điểm dân cư nông thôn* | *%Qsh* | *80* | *80* |
| *7.2* | *Thu gom nước thải công nghiệp* | *%Qcn* | *100* | *100* |
| 8 | Cây xanh | | | |

| TT | Hạng mục | Đơn vị tính | Đến năm 2030 | Đến năm 2040 |
|---|---|---|---|---|
| | *Đô thị Thị trấn Đăk Glei* | *$m^2$/người* | *8-10* | *8-10* |
| | *Đô thị Đăk Môn* | *$m^2$/người* | - | *≥4* |
| | *Các điểm dân cư nông thôn* | *$m^2$/người* | *≥2* | *≥2* |
| 9 | Đất giao thông trên đất xây dựng đô thị | % đất xây dựng | ≥ 16 | ≥16 |

*(Các dự báo phát triển và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sẽ được cụ thể hóa trong quá trình lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện. Trường hợp các dự báo và các chỉ tiêu có sự thay đổi so với nhiệm vụ cần phải luận chứng cụ thể và thông qua các cấp có thẩm quyền xem xét, đảm bảo phù hợp với các yêu cầu phát triển vùng huyện).*

**6.** Các yêu cầu về nội dung lập quy hoạch vùng huyện

6.1. Yêu cầu về thu thập số liệu, đánh giá hiện trạng

Thu thập các tài liệu điều tra và thống kê toàn huyện theo địa bàn các xã về dân số và lao động; Hiện trạng kinh tế xã hội; Hiện trạng đô thị, nông thôn, tình hình xây dựng nông thôn mới; Hiện trạng về đất đai xây dựng đô thị, nông thôn, các khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; Tài nguyên, môi trường; Hiện trạng các chương trình, quy hoạch, dự án đầu tư phát triển đã và đang thực hiện. Đánh giá thực trạng các nguồn lực để thực hiện các chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng của huyện để có cơ sở dự báo khả năng huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

- Rà soát các chương trình, quy hoạch và dự án đầu tư trọng điểm trong vùng huyện: khớp nối đồng bộ, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp khớp nối, điều chỉnh phù hợp với định hướng quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch ngành.

- Đánh giá hiện trạng nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển kinh tế- xã hội của vùng huyện.

6.2. Yêu cầu nội dung chính của quy hoạch xây dựng vùng huyện

a) Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch huyện; các căn cứ lập quy hoạch; vị trí, quy mô, phạm vi lập quy hoạch; quan điểm và mục tiêu phát triển của vùng.

b) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng.

c) Đánh giá, rà soát việc thực hiện các quy hoạch đang có hiệu lực.

d) Xác định mục tiêu phát triển, tốc độ đô thị hóa, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng.

e) Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển 10 năm, 20 năm; xác định các chỉ tiêu kỹ thuật theo mục tiêu phát triển.

f) Định hướng phát triển không gian vùng huyện:

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng;

- Xác định các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển;

- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng;

- Xác định mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị;

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục, thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị; Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong vùng.

g) Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng huyện:

Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng huyện, gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cung cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động.

h) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn;

- Hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng;

- Dự báo xu thế các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch;

- Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

i) Quy định quản lý theo quy hoạch huyện, bao gồm:

- Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý.

- Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế.

- Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn.

- Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng.

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng.

- Phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch cho các cấp chính quyền địa phương trong vùng theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

- Các quy định khác theo chức năng của vùng.

j) Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên.

- Các mục tiêu, quan điểm xác định lĩnh vực ưu tiên đầu tư.

- Đẩy mạnh các động lực phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn, phát triển các kết cấu hạ tầng để phát triển công nghiệp tăng khả năng thu hút đầu tư.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và nhà ở.

+ Bảo vệ môi trường tự nhiên, hạn chế các tác động xấu của phát triển công nghiệp và dân cư.

+ Bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh và di sản văn hoá truyền thống trên địa bàn huyện.

- Các chương trình đầu tư:

+ Trên cơ sở của đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện và dự báo khả năng đầu tư của các nhà đầu tư, xác định các chương trình dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đầu.

+ Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư với sự ưu tiên các dự án mang ý nghĩa tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp sinh thái, phát triển đầu mối HTKT cấp vùng.

+ Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: các khu trung tâm động lực, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hoá các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên về giao thông, cao độ nền và thoát nước mặt, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, thoát nước thải, quản lý CTR, nghĩa trang.

- Tổng hợp kinh phí đầu tư, nguồn lực thực hiện, đề xuất nguồn lực thực hiện.

+ Trên cơ sở danh mục và lộ trình cho các chương trình phát triển của vùng huyện *(khu vực đô thị, nông thôn, các trung tâm chuyên ngành như du lịch, thương mại, nông lâm nghiệp, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, ...)* từ đó xác định nhu cầu kinh phí cho các dự án trọng điểm phát triển toàn khu vực cho các chương trình theo từng giai đoạn phát triển.

+ Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng đợt đầu hệ thống hạ tầng kĩ thuật khung trên địa bàn huyện.

+ Đề xuất nguồn lực thực hiện.

**7.** Hồ sơ sản phẩm

- Thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Hồ sơ quy hoạch gồm 07 bộ (*không kể hồ sơ trình duyệt và thẩm định*). Nội dung thể hiện theo quy định hiện hành.

*(Có hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch kèm theo)*

## III. Tổ chức lấy ý kiến

**1.** Các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, UBMT tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên hiệp các Hội KH&KT Tỉnh Kon Tum. *(Có phụ lục 1 danh sách kèm theo).* Cho ý về nội dung lập nhiệm vụ Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Glei để địa phương tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện và triển khai các bước tiếp theo đảm bảo quy định.

**2.** Các cơ quan, đơn vị, địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Hội, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan, đơn vị ngành dọc đóng chân trên địa bàn huyện *(Có phụ lục 2 danh sách kèm theo)*: Tổ chức lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị mình gửi văn bản góp ý về Ủy ban nhân dân huyện *(qua Phòng Kinh tế Hạ tầng)* **trước ngày 11 tháng 4 năm 2024**. *(Đối với các cơ quan đơn vị không sử dụng hệ thống Iofice gửi văn bản giấy theo địa chỉ: Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Đăk Glei, số 175 Hùng Vương thôn 14b xã Đăk Pék, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum).*

**3.** Giao Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tuyên truyền rộng rãi và tổ chức họp công khai, lấy ý kiến khu dân cư đối với các Tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân về nội dung nhiệm vụ Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Glei; đồng thời tổng hợp ý kiến, Báo cáo kết quả lấy ý kiến khu dân cư *(kèm theo Biên bản họp khu dân cư)* gửi về Ủy ban nhân dân huyện *(qua Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện)* **trước ngày 03 tháng 5 năm 2024**[(1)].

**4**. Giao Văn phòng HĐND và UBND huyện *(Cơ quan Thường trực Ban biên tập trang thông tin điện tử huyện):* Tổ chức công khai các nội dung của nhiệm vụ của Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đăk Glei trên trang thông tin điện tử huyện Đăk Glei *(tại địa chỉ http://huyendakglei.kontum.gov.vn)* để các tổ chức, cá nhân tham gia góp ý; đồng thời tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, cá nhân vào nội dung, nhiệm vụ của Đồ án *(nếu có)* gửi về Ủy ban nhân dân huyện *(qua Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện)* **trước ngày 03 tháng 5 năm 2024.**

**5.** Giao Phòng Kinh tế Hạ tầng theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện, thường xuyên báo cáo tiến độ thực hiện về UBND huyện biết chỉ đạo; tổng hợp ý kiến, hoàn thiện hồ sơ, tham mưu UBND huyện trình cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm phối hợp, xem xét cho ý kiến và gửi các nội dung tham gia về Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei *(qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng)* đảm bảo thời gian quy định./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND (đ/b);
- CT, các PCT UBND huyện (t/d);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Y Thanh**

[1] **Cụ thể:** Theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Xây dựng 2014 quy định: Thời gian lấy ý kiến về quy hoạch xây dựng ít nhất là 20 ngày đối với cơ quan, 40 ngày đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.